

# 三希樓

San Xi Lou

茶價 | Tea charge | Trà phí | 차 추가요금  
 VND 80,000 / 位 | person | người | 인

所有價目均以VND ,000計算 . All prices are in ,000 VND  
 Tất cả giá tính bằng ,000 VND. 모든 가격의 단위는 베트남 천동 ,000 VND입니다

Table number:

Number of guests:

## 湯鍋類 | HOTPOT SOUP NƯỚC LẤU | 핫팟 수프

酸菜魚鍋 1,250  
 Preserved Vegetable & Fish Soup  
 Lẩu Cá với Dưa Chua  
 절인 채소 생선탕

花雕醉雞鍋 480 780  
 Chicken Soup with Chinese Wine  
 Lẩu Gà với Rượu Hoa Tiêu  
 중국 와인을 곁들인 치킨 수프

鴛鴦火鍋 480  
 Soup with Two Selection  
 Lẩu Uyên Ương  
 두 가지 육수 베이스 휘귀

三希樓麻辣火鍋 420  
 Spicy Sichuan Style Soup  
 Lẩu Cay San Xi Lou  
 매콤한 사천식 수프

金湯湯鍋 380  
 Spicy Pumpkin Soup  
 Lẩu Bí Đỏ Cay  
 매콤한 호박 수프

芫茜皮蛋鍋 320  
 Preserved Eggs with Coriander Soup  
 Lẩu Trứng Bách Thảo với Ngô  
 셀러리 피단 수프

鮮果香湯鍋 320  
 Pear & Fish Soup  
 Lẩu Cá với Trái Cây  
 피어 앤 생선탕

野生菌湯鍋 320  
 Wild Mushroom Soup  
 Lẩu Nấm Rừng  
 야생 버섯 수프

## 手切日本肥牛 | JAPANESE HAND-CUT BEEF | BÒ NHẬT | 일본산 쇠고기

和牛片 1,280  
 Wagyu Beef  
 Bò Wagyu  
 와규 비프

## 手切頂級牛 | US PREMIUM BEEF BÒ MỸ THƯỢNG HẠNG | 미국 프리미엄 소고기

美國頂級肥牛 1,280  
 US Supreme Beef Sliced  
 Ba Chi Bò Thượng Hàng  
 US 프리미엄 비프

美國頂級牛肉粒 1,280  
 US Supreme Beef Diced  
 Bò Lúc Lắc Thượng Hàng  
 US 프리미엄 큐브 스테이크

黑牛柏葉 220  
 OX Black Tripe  
 Lá Xách Bò Đen  
 황소 검정 곱창

白牛柏葉 220  
 OX Omasum Tripe  
 Lá Xách Bò  
 소곱창

牛骨髓 200  
 OX Marrow  
 Tủy Bò  
 우골수

## 肉類 | MEATS | THỊT | 고기

西班牙黑豚肉 520  
 Spanish Pork Sliced  
 Thịt Heo Tây Ban Nha  
 스페인 흑돼지

羊肉片 420  
 Sliced Lamb  
 Thịt Cừu  
 양고기 슬라이스

豬頸肉 320  
 Pork Neck  
 Nọng Heo  
 돼지 목살

鮮豬肚 120  
 Pork Stomach  
 Bao Tử Heo  
 돼지 위

鮮豬粉腸 120  
 Pork Chitlins  
 Ruột Heo Non  
 돼지 곱창

鮮豬大腸 120  
 Pork Large Intestine  
 Ruột Heo Già  
 돼지 내장

鮮豬腰 120  
 Pork Kidney  
 Cật Heo  
 돼지 콩팥

薑汁豬肝 120  
 Pork Liver  
 Gan Heo  
 돼지간

## 家禽類 | POULTRY | GIA CẦM | 가금류

鮮雞件 230  
 Sliced Chicken  
 Thịt Gà  
 알계 선 닭고기

雞子 160  
 Chicken Kidney  
 Kê Gà  
 닭콩팥

## 游水海鮮 | LIVE SEAFOOD HẢI SẢN TƯƠI SỐNG

肉蟹 2,880/KG  
 Mud Crab  
 Cua Thịt  
 꼬끼리조개

象拔蚌 2,880/KG  
 Geoduck  
 Ốc Vòi Voi  
 꼬끼리조개

老虎斑 1,280/KG  
 Tiger Grouper Fish  
 Cá Mú Cọp  
 타이거 그루퍼

海鮮拼盤 2,280  
 Seafood Platter  
 Hải Sản Thập Cẩm  
 해산물 플래터

龍蝦仔 880/PC隻  
 Baby Lobster  
 Tôm Hùm Baby  
 랍스터

海中蝦 680  
 Sea Prawn  
 Tôm Sú Biển  
 바다새우

日本廣島蠔 520  
 Hiroshima Oysters  
 Hàu Nhật Bản  
 히로시마 굴

帶子 380  
 Scallop  
 Còi Sò Điệp  
 가리비

扇貝 300/PC隻  
 Diver scallop  
 Sò Điệp Tươi  
 다이버 가리비

鮑魚仔 230/PC隻  
 Abalone  
 Bào Ngư  
 전복

清水白蜆 220  
 Clams  
 Nghêu  
 신선한 조개

## 河鮮類 | FRESH FROM THE RIVER THUY SẢN | 신선한 민물고기

大白鱸片 290  
 Mud Eel  
 Cá Chình  
 갯장어

鮮魷魚 260  
 Fresh Squid  
 Mực Tươi  
 신선한 오징어

黃鱸片 230  
 Ricefield Eel  
 Lươn Đồng  
 뱀장어

水魷魚 160  
 Squid  
 Mực Ngâm Tro  
 오징어

## 主食類 | STAPLE FOODS MÓN CHÍNH | 앙트레

日本稻庭烏冬 120  
 Inaniwa Udon  
 Mi Udon Nhật Bản  
 우동

拉麵 120  
 Ramen  
 Mi Ramen  
 라면

四川苕粉 100  
 Sichuan Green Noodle  
 Miến Dẹt Khoai Lang Tứ Xuyên  
 사천식 그린 누들

米粉 100  
 Rice Vermicelli  
 Bún Gạo  
 당면

出前一丁 100  
 Instant Noodles  
 Mi Ăn Liền  
 인스턴트 라면

粉絲 80  
 Glass Noodles  
 Miến  
 당면

# 三希樓

San Xi Lou

茶價 | Tea charge | Trà phí | 차 추가요금  
 VND 80,000 / 位 | person | người | 인

所有價目均以VND ,000計算 . All prices are in ,000 VND  
 Tất cả giá tính bằng ,000 VND. 모든 가격의 단위는 베트남 천동 ,000 VND입니다

Table number:

Number of guests:

## 丸子及餃子類 | MEATBALL & DUMPLING | THỊT VIÊN & MÓN CÀO

미트볼 및 만두

手打墨魚丸 300  
 Home-made Cuttlefish Ball  
 Mực Viên  
 다진 오징어 완자

手打鮮蝦丸 300  
 Home-made Shrimp Ball  
 Tôm Viên  
 새우완자

手打鮮魚丸 300  
 Home-made Fish Ball  
 Cá Viên  
 새우완자

自製蝦滑 300  
 Minced Shrimp  
 Chà Tôm Quết  
 다진 새우

自製墨魚滑 300  
 Minced Cuttlefish  
 Chà Mực Quết  
 다진 갑오징어

自製鮮魚滑 300  
 Minced Fish  
 Chà Cá Quết  
 다진 생선

牛丸 300  
 Beef Ball  
 Bò viên  
 소고기 완자

手工菜肉雲吞 280  
 Pork Wonton  
 Hoàn Thành Rau với Thịt  
 돼지고기 완탕

手工韭菜水餃 280  
 Pork & Chive Dumpling  
 Sủi Cào Hẹ  
 돼지고기 부추 만두

白魚蛋 220  
 Fish Ball  
 Cá Viên Tráng  
 어묵

手工抄手 160  
 Sichuan Wonton  
 Hoàn Thành Tứ Xuyên  
 사천식 완탕

## 菇菌類 | MUSHROOM | NẤM | 버섯

野生竹筴 240  
 Wild Bamboo Pith  
 Nấm Trúc Sanh  
 자연산 죽순

雜錦菇籃 220  
 Mixed Mushroom  
 Nấm Thập Cẩm  
 각종 버섯

秀珍菇 180  
 Oyster Mushroom  
 Nấm Bào Ngư  
 모렐 버섯

鮮冬菇 180  
 Shiitake Mushroom  
 Nấm Hương  
 표고버섯

金針菇 130  
 Enoki Mushroom  
 Nấm Kim Châm  
 팽이버섯

小雲耳 130  
 Black Fungus  
 Nấm Mèo  
 목이버섯

## 豆品類 | BEAN PRODUCT

ĐẬU HŨ | 콩요리

自製響鈴卷 180  
 Fried Bean Curd Roll  
 Phở Trúc Cuộn Chiên Giòn  
 튀긴 두부말이

凍豆腐 120  
 Frozen Tofu  
 Đậu Hũ Đông Lạnh  
 냉동두부

豆腐 120  
 Tofu  
 Đậu Hũ  
 두부

枝竹 120  
 Fresh Bean Curd  
 Phở Trúc  
 유부

鮮腐竹 120  
 Bean Yuba  
 Phở Trúc Tươi  
 유부

## 時蔬類 | VEGETABLE | RAU CỦ | 채소

雜菜盤 280  
 Assorted Vegetable  
 Rau Thập Cẩm  
 모듬 채소

萵筍片 180  
 Celtuce  
 Ngô Xuân  
 줄기상추

津白菜 130  
 Napa Cabbage  
 Cải Thảo  
 배추

唐生菜 130  
 Chinese Lettuce  
 Xà Lách  
 상추

茼蒿 130  
 Crown Daisy  
 Rau Tần Ô  
 속갓

冬筍片 120  
 Sliced Bamboo Shoot  
 Măng Thái Lát  
 얇게 썬 죽순

通菜 100  
 Water Spinach  
 Rau Muống  
 물 시금치

冬瓜件 100  
 Sliced Winter Melon  
 Bí Đao  
 윈터멜론 슬라이스

勝瓜件 100  
 Sliced Luffa  
 Mướp Hương  
 수세미 슬라이스

蓮藕片 100  
 Sliced Lotus Root  
 Củ Sen  
 연근 슬라이스

薯仔件 100  
 Sliced Potato  
 Khoai Tây  
 얇게 썬 감자

蘿蔔 100  
 Sliced Turnip  
 Củ Cải Trắng  
 얇게 썬 순무

鮮甜粟米 100  
 Sweet Corn  
 Bắp Ngọt  
 스위트콘

## 什類 | OTHERS

MÓN KHÁC | 기타

午餐肉 180  
 Luncheon Meat  
 Thịt Pate  
 런천미트

芝士腸 130  
 Cheese Sausage  
 Xúc Xích Phô Mai  
 치즈 소시지

蟹柳 130  
 Crab Stick  
 Thanh Cua  
 게맛살

嫩鴨血 130  
 Duck Blood Jelly  
 Huyết Vịt  
 오리피

海帶絲 120  
 Fine-shredded Seaweed  
 Rong Biển Tươi  
 잘게 썬 해초

椒鹽炸魚皮 100  
 Salted Pepper Fish Skin  
 Da Cá Rang Muối  
 소금에 절인 고추 생선껍질

皮蛋(2隻) 60  
 Preserved Egg (2pcs)  
 Trứng Bạch Thảo  
 피단(2개)

鮮雞蛋(1隻) 30  
 Egg (1pcs)  
 Trứng Gà  
 계란(1개)